

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA SINH NAM VIỆT



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của  
**XƯỞNG PHỐI TRỘN PHÂN BÓN**  
**NAM VIỆT**

*H. Cao Lãnh, tháng 08 năm 2022*



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA SINH NAM VIỆT



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của  
**XUỞNG PHỐI TRỘN PHÂN BÓN**  
**NAM VIỆT**

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA SINH NAM VIỆT  
**GIAM ĐỐC**



Lê Trung Thành

H. Cao Lãnh, tháng 08 năm 2022

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN .....	1
<b>1.1. Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Hóa Sinh Nam Việt.....</b>	<b>1</b>
1.2. Tên dự án đầu tư.....	1
1.2.1. Địa điểm thực hiện .....	1
1.2.2. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).....	3
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án.....	3
1.3.1 Công suất của dự án.....	3
1.3.2 Công nghệ sản xuất của dự án .....	4
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư.....	6
1.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng .....	6
1.4.2. Giai đoạn vận hành của dự án .....	8
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	9
1.5.1 Danh mục máy móc phục vụ dự án .....	9
1.5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án .....	10
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, .....	12
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	12
<b>2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....</b>	<b>12</b>
CHƯƠNG III.....	13
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP .....	13
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: .....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa: .....	13
3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải: .....	13
3.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	13
3.4. Công trình, biện pháp xử chất thải rắn.....	15
3.4. Công trình, biện pháp ứng phó sự cố môi trường.....	16
4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải .....	18
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	18
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	18

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
QH	Quốc hội
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
WHO	Tổ chức y tế thế giới
BTCT	Bê tông cốt thép
GPMT	Giấy phép môi trường
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
BYT	Bộ Y tế
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTTT	Chất thải thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
HTXL	Hệ thống xử lý



## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1 Tọa độ mốc ranh giới khu đất của dự án.....	1
Bảng 1. Loại phân bón và công suất sản xuất phân bón vô cơ .....	3
Bảng 2. Loại phân bón và công suất sản xuất phân bón hữu cơ, sinh học.....	4
Bảng 1.2 Nhu cầu nguyên vật liệu giai đoạn xây dựng của dự án .....	7
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên vật liệu giai đoạn vận hành của dự án.....	8
Bảng 1.4. Quy mô và tổ chức nhân sự của dự án.....	10

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí dự án .....	2
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón dạng bột .....	5
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón dạng lỏng .....	5



## CHƯƠNG I.

### THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

#### 1.1. Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Hóa Sinh Nam Việt

- Địa chỉ văn phòng: QL 30 ấp Đông Mỹ, xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: **Ông Lê Trung Thành**

- Điện thoại: 0868 759 588 – 088 635 7788

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401226782, đăng ký lần đầu ngày 26/04/2010, đăng ký lần thứ 6 ngày 13/01/2021.

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 97/GXN-UBND của huyện Cao Lãnh cấp ngày 10/6/2016.

#### 1.2. Tên dự án đầu tư

##### 1.2.1. Địa điểm thực hiện

- Tên dự án: **Xưởng phối trộn phân bón Nam Việt mở rộng**

- Địa điểm thực hiện dự án: QL 30 ấp Đông Mỹ, xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Cơ sở thực hiện trên khu diện tích 1.126 m<sup>2</sup> trên địa bàn xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Vị trí tiếp giáp địa lý của dự án cụ thể như sau:

+ Phía Đông: giáp vườn tạp;

+ Phía Nam: giáp đất trống;

+ Phía Tây: giáp Quốc lộ 30;

+ Phía Bắc: vườn xoài.

**Bảng 1.1 Tọa độ mốc ranh giới khu đất của dự án**

Điểm	X	Y
A	579474.92	1149698.96
B	579510.21	1149739.63
C	579531.70	1149722.09
D	579497.97	1149678.99



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí dự án

**\* Môi trường quan giữa dự án với các đối tượng xung quanh:**

**- Giao thông:**

Dự án có phía Tây tiếp giáp Quốc lộ 30, vì vậy điều kiện giao thông rất thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu và tiêu thụ, phân phối sản phẩm tới các địa phương, thành phố khác.

**- Sông suối:**

Khu vực dự án thuộc địa bàn xã Mỹ Hội. Phía trước mặt, cách cơ sở 160m là sông Cái Bèo nơi tiếp nhận nước thải và nước mưa chảy tràn của Công ty và dân cư khu vực. Nước thải của cơ sở sau khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực (dọc theo tuyến Quốc lộ 30) sẽ được dẫn ra sông Cái Bèo. Bên cạnh đó, sông Cái Bèo là nơi cung cấp tưới tiêu cho hoạt động canh tác của người dân khu vực.

**- Kinh tế - xã hội:**

Dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn chủ yếu người dân sống bằng nghề canh tác nông nghiệp, nên đây là thị trường tiêu thụ lớn đảm bảo đầu ra ổn định cho dự án. Mặc khác, khu vực này không có tài nguyên quý hiếm hay công trình kiến trúc quan trọng, kiên cố, không có vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, các khu bảo tồn thiên nhiên khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và các khu di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng... nên



việc ra đời và hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến thiên nhiên, di tích lịch sử cũng như các công trình khác.

Khu vực cơ sở nằm gần Quốc lộ nên rất thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu cũng như việc phân phối thành phẩm từ các công ty, đại lý trong huyện và trên địa bàn các tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích do dự án mang đến, các hoạt động của dự án có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên cũng như sức khỏe cộng đồng, nếu dự án không thực hiện tốt các quy định và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Trang bị thiết bị phòng cháy và chữa cháy, điều kiện vệ sinh môi trường được chủ dự án trang bị đúng theo qui định.

- *Khu dân cư:*

Khu vực thực hiện dự án có khoảng cách gần nhất tới chợ Mỹ Hội khoảng 100m về phía Bắc. Trong quá trình hoạt động sản xuất của nhà xưởng không có tác nhân gây ồn lớn nên không gây tác động tiếng ồn tới dân cư khu vực.

### **1.2.2. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)**

Tổng vốn đầu tư của dự án là 2,000,000 đồng.

Quy mô của dự án đầu tư: Dự án nhóm C.

## **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án**

### **1.3.1 Công suất của dự án**

a. Sản xuất phân bón vô cơ: tổng công suất 108 tấn/năm, được phân loại như sau:

**Bảng 1. Loại phân bón và công suất sản xuất phân bón vô cơ**

<b>STT</b>	<b>Loại phân bón</b>	<b>Dạng phân bón</b>	<b>Công suất</b>	<b>Phương thức sử dụng</b>
1	Phân bón hỗn hợp (NPK, NP, NK, PK) có hoặc không có trung lượng, vi lượng	Dạng bột; Dạng lỏng	28 tấn/năm (dạng lỏng 10 tấn/năm; dạng bột 18 tấn/năm)	Bón rải
2	Phân bón lá có một hoặc nhiều thành phần N, P, K, trung lượng, vi lượng	Dạng bột; Dạng lỏng	80 tấn/năm (dạng lỏng 60 tấn/năm; dạng bột 20 tấn/năm)	Bón lá
<b>Tổng cộng</b>			<b>108 tấn/năm</b>	

b. Sản xuất phân bón hữu cơ, phân sinh học: tổng công suất 100 tấn/năm.

**Bảng 2. Loại phân bón và công suất sản xuất phân bón hữu cơ, sinh học**

<i>STT</i>	<i>Loại phân bón</i>	<i>Dạng phân bón</i>	<i>Công suất</i>	<i>Phương thức sử dụng</i>
1	Phân bón hữu cơ có hoặc không có chứa một hoặc nhiều thành phần vi sinh, sinh học, đa lượng, trung lượng, vi lượng.	Dạng bột, viên; Dạng lỏng	20 tấn/năm (dạng lỏng 5 tấn/năm; dạng bột,viên 15 tấn/năm)	Bón rãnh
2	Phân bón lá hữu cơ có hoặc không có chứa một hoặc nhiều thành phần vi sinh, sinh học, đa lượng, trung lượng, vi lượng.	Dạng bột, viên; Dạng lỏng	30 tấn/năm (dạng lỏng 5 tấn/năm; dạng bột,viên 25 tấn/năm)	Bón lá
3	Phân bón sinh học có hoặc không có chứa một hoặc nhiều thành phần hữu cơ, vi sinh, đa lượng, trung lượng, vi lượng.	Dạng bột, viên; Dạng lỏng	30 tấn/năm (dạng lỏng 5 tấn/năm; dạng bột,viên 25 tấn/năm)	Bón rãnh
4	Phân bón lá sinh học có hoặc không có chứa một hoặc nhiều thành phần hữu cơ, vi sinh, đa lượng, trung lượng, vi lượng.	Dạng bột, viên; Dạng lỏng	20 tấn/năm (dạng lỏng 5 tấn/năm; dạng bột,viên 15 tấn/năm)	Bón lá
<b>Tổng cộng</b>			<b>100 tấn/năm</b>	

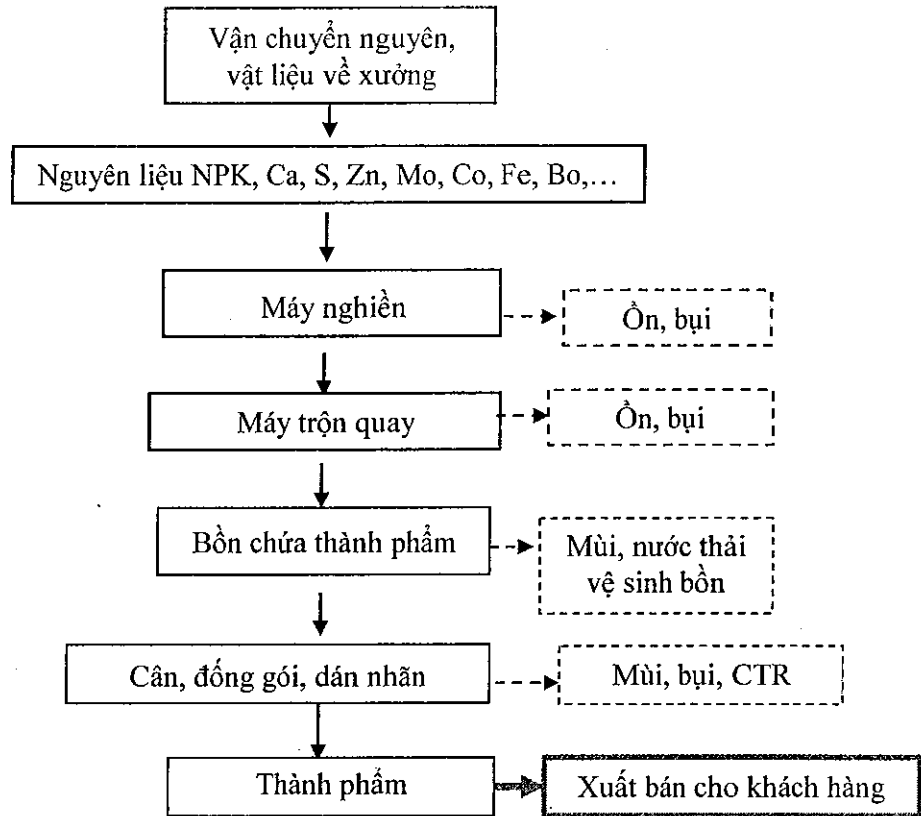
### 1.3.2 Công nghệ sản xuất của dự án

#### \* Quy trình công nghệ sản xuất phân bón vô cơ dạng bột

##### Thuyết minh quy trình:

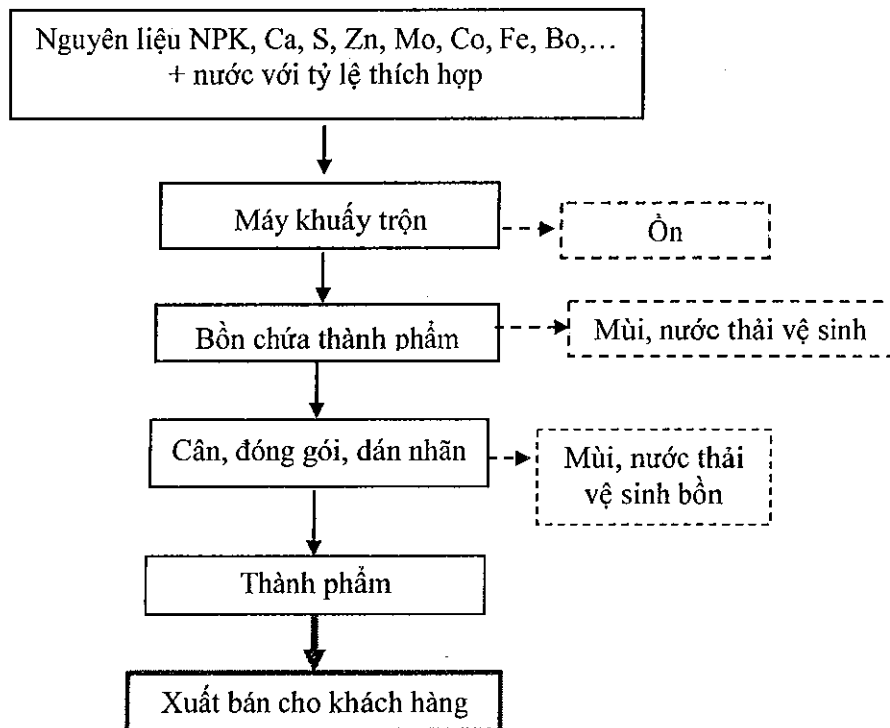
Nguyên liệu chủ yếu là nguyên tố đa lượng NPK phối trộn với nguyên tố trung lượng với nguyên tố vi lượng với liều lượng thích hợp, pha trộn tất cả hỗn hợp này lại với nhau được nghiền nhỏ bằng máy nghiền, rồi phối trộn với nhau (tùy theo ông thức với tỷ lệ khác nhau) bằng máy trộn tự động trong bồn chứa, sau đó cân, đóng gói, dán nhãn loại bọc có kích cỡ 1000g, 500g và 50g) và xuất bán cho khách hàng.





Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón dạng bột

\* Quy trình công nghệ sản xuất phân bón vô cơ dạng lỏng



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón dạng lỏng

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu chủ yếu là nguyên tố đa lượng NPK phối trộn với nguyên tố trung lượng với nguyên tố vi lượng và nước với liều lượng thích hợp, pha trộn tất cả hỗn hợp này lại với nhau trong bồn chứa rồi khuấy trộn bằng máy khuấy trộn tự động, sau đó cho ra thành phẩm, tiếp theo được rót vào chai nhựa loại 0,5 lít và 01 lít, dán nhãn đóng thùng sản phẩm và xuất bán.

**\* Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ, sinh học**

Để sản xuất phân theo quy trình công nghiệp thì cần các nguyên liệu sau:

- Mùn hữu cơ: Phân bò, than bùn hoặc các nguồn hữu cơ khác đã lên men đủ chín với khối lượng đủ để cho ra được 1 tấn phân bón.

- Lượng N,P,K vừa đủ theo quy trình của từng nhà máy.

- Hỗn hợp vi lượng vừa đủ theo quy định của nhà máy.

- Vi sinh vật hữu ích vừa đủ theo quy trình của nhà máy.

Sau đây là quy trình sản xuất phân bón hữu cơ theo công nghiệp:

Bước 1: Phối trộn đều bằng máy trộn chuyên dùng.

Bước 2: Tiến hành sản xuất theo quy trình của nhà máy.

Bước 3: Kiểm tra chất lượng phân bón có đạt chuẩn theo yêu cầu đặt ra hay không.

Bước 4: Đóng 0.5, 1, 10, 25 hoặc 50kg tùy theo nhu cầu thị trường.

Bước 5: Đưa vào kho chứa thành phẩm và bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

**\* Nhận xét chung về dự án:**

Từ quy trình sản xuất của Dự án phối trộn phân bón lá như đã trình bày, thì tác động tiêu cực từ hoạt động của dự án đến môi trường xung quanh chủ yếu là bụi, mùi tiếng ồn.

Về nước thải: không có phát sinh nước thải sản xuất từ quy trình phối trộn của dự án, chỉ phát sinh 1 lượng nhỏ nước rửa tay, rửa thiết bị máy móc, ước tính khoảng 200lít/ngày/lần.

Phương thức bảo quản sản phẩm: Sản phẩm sau khi gia công được đóng gói, dán nhãn theo quy cách, sau đó đóng thùng xuất bán cho đơn vị có yêu cầu nếu có đơn đặt hàng, hoặc đưa vào kho chứa lưu trữ và phân phối dần dần cho khách hàng, kho chứa được xây dựng kiên cố, chắc chắn, thông thoáng đảm bảo đủ điều kiện bảo quản theo quy định.

**1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư**

**1.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

**\* Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu xây dựng**

Dự án thực hiện xây dựng các hạng mục công trình mở rộng kho nguyên liệu diện tích 200m<sup>2</sup> (10m x 20m) và kho thành phẩm diện tích 150m<sup>2</sup> (10m x 15m).

Khối lượng các loại nguyên, vật liệu xây dựng chính của dự án được đơn vị tư vấn xây dựng tính toán dựa trên khối lượng xây dựng các hạng mục công trình. Các loại nguyên liệu này sẽ được mua từ các đại lý vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cao Lãnh và các khu vực lân cận.

**Bảng 1.2 Nhu cầu nguyên vật liệu giai đoạn xây dựng của dự án**

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Thép	tấn	5
2	Xi măng	Tấn	5
3	Cát	m <sup>3</sup>	25
4	Đá dăm	m <sup>3</sup>	15
5	Bê tông	m <sup>3</sup>	50
6	Gạch lát nền và ốp tường	viên	1.000
7	Tôn lợp + phụ kiện	m <sup>2</sup>	400
8	Que hàn	Kg	5
9	Gạch đặc đỏ	viên	500
10	Sơn tường	Kg	100
11	Nhôm	Kg	50
12	Dây cáp điện	Kg	100
13	Ống nhựa	Kg	50

Các nguyên, vật liệu trên được mua mới hoàn toàn đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Ngoài các nguyên liệu trên, dự án còn sử dụng các loại cống tròn, cống hộp bê tông đúc sẵn, ống HDPE...

*\* Nhu cầu sử dụng điện:*

Được đầu nối từ nguồn điện tại khu vực. Điện chủ yếu phục vụ chiếu sáng tại lán trại và vận hành một số máy móc thi công.



Nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn thi công xây dựng ước tính khoảng 100 kWh/tháng.

*\* Nhu cầu dùng nước:*

Nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của công nhân, nước thi công, nước tưới ẩm trong quá trình thi công xây dựng được lấy từ Nhà máy cấp nước sạch tại khu vực.

Việc tuyển dụng công nhân xây dựng sẽ tăng cường sử dụng nhân lực địa phương, công nhân ở lại công trường được nghỉ tại nhà tạm.

Số lượng công nhân giai đoạn thi công xây dựng là 20 người

Với định mức sử dụng nước là 70 lít/người.ngày thì lượng nước cần cấp sẽ khoảng  $(20 \cdot 70 / 1000) = 1,4$  (m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Nhu cầu sử dụng nước cho thi công xây dựng khoảng 2-3m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước tưới làm ẩm để giảm phát tán bụi sử dụng cho 2 lần tưới/ngày với định mức 0,5 lít/m<sup>2</sup>. Do tính chất thi công cuốn chiếu, nên lượng nước tưới ẩm không sử dụng trên toàn bộ khu vực dự án và khoanh vùng tập trung chủ yếu ở khu vực thi công công trình chính khoảng 350 m<sup>2</sup>, vậy lượng nước tưới trung bình khoảng  $(0,5 \cdot 2 \cdot 350) / 1000 = 0,35$  m<sup>3</sup>/ngày. Tần suất cũng như lượng nước tưới ẩm còn phụ thuộc vào thời tiết và khu vực thi công.

**1.4.2. Giai đoạn vận hành của dự án**

*\* Nhu cầu nguyên, vật liệu*

**Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên vật liệu giai đoạn vận hành của dự án**

Stt	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc
<b>1</b>	<b>Nguyên liệu chính</b>			
1.1	Nguyên tố đa lượng N, P, K	Tấn/năm	65	Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam
1.2	Nguyên tố trung lượng gồm Ca, S, Mg, Si	Tấn/năm	15	
1.3	Nguyên tố vi lượng gồm Zn, Cu, Mo, Fe, Bo,..	Tấn/năm	2	
1.4	Phân bò	Tấn/năm	10	Việt Nam
1.5	Than bùn	Tấn/năm	5	
1.6	Chế phẩm BIMA COMPOST	Tấn/năm	10	



<b>2</b>	<b>Nguyên liệu phụ trợ</b>			
2.1	Bao bì, túi nhôm, túi nilong loại 50g, 100g, 500g, chai lọ 1 lít, 0,6 lít, ...	kg/năm	300	Việt Nam
2.2	Chai, lọ	Cái	100.000	Việt Nam
2.3	Tem, nhãn	Cái	400.000	Việt Nam
2.4	Băng keo	Cuộn	100	Việt Nam
2.5	Hóa chất xử lý nước thải (Đường, clo viên nén)	kg/năm	230	Việt Nam, Trung Quốc

*\* Nhu cầu tiêu thụ điện, nước*

- Nhu cầu sử dụng điện của dự án: 600 KWh/tháng;
- Nguồn cung cấp điện: Nguồn điện được cung cấp cho toàn bộ khu vực được lấy từ mạng lưới điện quốc gia sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt, thắp sáng.

*\* Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước:*

- Nước sử dụng cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên Công ty:

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tối đa tại dự án là 30 người. Lượng nước cấp cho 01 người/ngày theo QCVN 01:2021/BXD tối đa 70 l/người/ngày nên với 30 người thì tổng lượng nước cấp cho quá trình hoạt động của cán bộ công nhân viên được tính như sau:

$$Q_{\text{Sinh hoạt}} = 30 \text{ người} \times 70 \times 10^{-3} \text{ m}^3/\text{ngày} = 2,1 \text{ m}^3/\text{ngày};$$

- Nước sử dụng cho tưới cây, rửa đường vào khoảng 2m<sup>3</sup>/ngày;
- Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy được dự trữ trong bể và chỉ sử dụng khi có hỏa hoạn.

Nguồn nước sử dụng cho quá trình hoạt động của dự án do Nhà máy nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp cung cấp.

Nhu cầu sử dụng điện, nước được ước tính như bảng sau:

## **1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án**

### **1.5.1 Danh mục máy móc phục vụ dự án**

Trong quá trình hoạt động, các loại máy móc phục vụ dự án được thể hiện ở bảng sau:

***Bảng 1.5. Danh mục máy móc phục vụ giai đoạn vận hành của dự án***



*Báo cáo xin cấp giấy phép môi trường của dự án “Xưởng phối trộn phân bón Nam Việt” của Công ty Cổ phần Hóa Sinh Nam Việt*

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất/ thông số kỹ thuật	Nguồn gốc
I	Dây chuyền 1 (dạng lỏng)		
1	01 Máy khuấy 15 HP	1000 lít/giờ	Việt Nam
2	02 Máy khuấy 7.5 HP	500 lít/giờ/máy	Việt Nam
3	02 Máy chiết rót 2 pittong tự động hút + đường ống	100 lít/giờ/máy	Việt Nam
4	01 Bồn chứa trung gian	200 lít/bồn	Việt Nam
5	01 Cân đĩa điện tử	0,2 – 1,200g	Việt Nam
6	01 Máy ép siêu	360 chai/ giờ	Trung Quốc
7	01 Máy đóng date	1.800 nhãn/ giờ	Việt Nam
II	Dây chuyền 2 (dạng bột)		
1	01 Máy trộn	200 Kg/giờ	Việt Nam
2	01 Máy sấy và trộn	200 Kg/giờ	Việt Nam
3	02 Máy hàn miệng túi	1.800 túi/ giờ/máy	Việt Nam
4	01 Cân bàn điện tử	0,4- 200Kg	Việt Nam
5	01 Máy đo ẩm độ	KETTF511	Trung Quốc
6	01 Máy đóng date	1.800 nhãn/ giờ	Việt Nam

**1.5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

Nhu cầu lao động khi dự án đi vào hoạt động là 30 người. Dự kiến số lượng lao động của các bộ phận được tổ chức như sau:

**Bảng 1.4. Quy mô và tổ chức nhân sự của dự án**

STT	Chức danh	Số lượng
1	Giám đốc	1
2	Cán bộ phụ trách trực tiếp nhà máy	2
3	Phòng kế toán	2
4	Phòng kế hoạch – kỹ thuật	3



*Báo cáo xin cấp giấy phép môi trường của dự án “Xưởng phối trộn phân bón Nam Việt” của Công ty Cổ phần Hóa Sinh Nam Việt*

5	Phòng tổng hợp	3
6	Phòng kinh doanh	3
7	Công nhân sản xuất, bán hàng	12
8	Bảo vệ	2
9	Tạp vụ	2
Tổng cộng		30

Chế độ làm việc 8h/ca/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7.

*Tuyển dụng, đào tạo và chế độ đãi ngộ:*

+ Đối tượng tuyển dụng và đào tạo: Công ty sẽ ưu tiên tuyển dụng lao động là người địa phương, đặc biệt là con em các hộ gia đình sống gần khu vực dự án. Những đối tượng lao động phổ thông sẽ được đào tạo để phù hợp với những vị trí việc làm theo sự phân công của ban Giám đốc.

+ Chế độ đãi ngộ: Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động được bảo đảm bằng hợp đồng lao động ký kết giữa từng người lao động với Giám đốc. Thỏa ước lao động tập thể ký kết giữa đại diện tập thể lao động với Giám đốc và phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động.

Hoạt động của Dự án sẽ không gây ra các yếu tố nghiêm trọng đối với người lao động. Tuy nhiên toàn bộ nhân viên tại các khu vực của Dự án ngoại trừ nhân viên văn phòng đã được trang bị đầy đủ quần áo đồng phục. Trang bị đồng phục đã được phát định kỳ cho nhân viên mỗi năm 01 lần.



## **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Dự án phù hợp với các văn bản pháp lý sau về quy hoạch bảo vệ môi trường:

Phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH 14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Phù hợp với quy định về Phân vùng môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2002/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định;

- Phù hợp với Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019; Phù hợp với Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 07/5/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017.

### **2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường đã được

đánh giá và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết và không có thay đổi nên không thực hiện đánh giá lại nội dung này.

Vì vậy, dự án đầu tư phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.



### CHƯƠNG III.

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

#### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Biện pháp xử lý nước mưa

Nước mưa được tách riêng với nước thải. Nhà máy xây hệ thống thu gom nước mưa từ mái nhà sau đó đi theo đường ống dẫn đầu nối hệ thống rãnh xây bằng gạch thẻ bề ngang 0,4m, sâu 0,4 – 0,6 m, chiều dài rãnh thải đã xây dựng khoảng 180m, rãnh thải được xây dựng có độ dốc hướng về hệ thống thoát nước của khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông, sửa chữa kịp thời khi hệ thống cống thoát nước mưa hư hỏng để đảm bảo nước thoát nhanh không gây ứ đọng khi mưa lớn.

- Bê tông hoá sân và đường nội bộ, thường xuyên vệ sinh xung quanh khu vực kho để tránh nước mưa kéo theo bụi đất, cát.

- Định kỳ hàng tháng dọn đất cát rãnh và hố ga thoát nước vào mùa mưa.

#### 3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải:

Chủ dự án xây dựng 04 nhà vệ sinh, diện tích mỗi nhà vệ sinh là: 1,2 m x 2,2 m để đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt của người lao động.

Nước thải sản xuất (không có phát sinh nước thải sản xuất từ quy trình phối trộn của dự án, chỉ phát sinh nước rửa tay, rửa thiết bị, bồn chứa).

Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường (nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam về môi trường, QCVN 40/2011/BTNMT).

Lượng nước thải này phát sinh không nhiều, thông thường được chủ dự án tận dụng để tưới cây trong khuôn viên dự án. Tuy nhiên, dự án cũng xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định. Nước thải được thu gom xử lý qua bể keo tụ thể tích 1,2m x 1,8m x 1,5m (sử dụng phèn hoặc PAC) tạo kết tủa các kim loại nặng trong nước, sau đó nước thải được đưa qua bể lắng có diện tích 1,4m x 2,2m x 1,5m, tiếp đến nước thải chảy qua bể sinh học kết hợp có trồng lục bình kết hợp với rau ngổ, nước thải xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam về nước thải công nghiệp, nước thải sau xử lý được đưa ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung trong khu vực.

### 3.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Biện pháp quản lý nội vi:

- Không kinh doanh các mặt hàng cấm theo danh mục của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Xây dựng nội quy hoạt động kho để nhân viên theo dõi thực hiện.



- Chủ động thực hiện các biện pháp ATLĐ và giám sát môi trường định kỳ để kịp thời xử lý các thành phần ô nhiễm.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về PCCC, bảo hiểm.

- Xây dựng kho chứa theo đúng thiết kế, quy hoạch.

- Đầu tư đầy đủ các thiết bị xử lý môi trường để đảm bảo xử lý có hiệu quả.

Các biện pháp kỹ thuật

- Phân bón phải được sắp xếp, bố trí thông thoáng theo từng nhóm, loại để hạn chế hút ẩm từ nền kho, hạn chế quá trình tự phân hủy khi độ ẩm cao.

- Nền kho phải nhẵn, không thấm nước, dễ lau chùi, làm vệ sinh sạch sẽ.

- Trong kho phải đủ ánh sáng, thông thoáng, rộng rãi, không bị mưa dột hay nắng rọi.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ để công nhân sử dụng như: găng tay, khẩu trang,...

Biện pháp giảm thiểu mùi, bụi, ồn đối với dân cư xung quanh:

- Phân công công nhân hàng ngày quét dọn vệ sinh nhà xưởng tránh làm tích trữ bụi, nhà xưởng được xây dựng kín hạn chế bụi bay ra ngoài ảnh hưởng đến người dân khu vực.

- Xây dựng hệ thống xử lý mùi bằng than hoạt tính tại các sản xuất, khu vực chứa nguyên liệu và thành phẩm nhằm hấp thu mùi hôi.

- Trồng cây xanh quanh kho, sử dụng các loại cây thích nghi tốt với môi trường để tạo cảnh quang và tăng quá trình hấp thụ khí thải giảm thiểu mùi hôi, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

Chủ dự án sẽ thực hiện tổng hợp, đồng bộ các giải pháp trên để giảm thiểu được ô nhiễm không khí đảm bảo sức khỏe của công nhân và người dân lân cận.

Biện pháp trồng cây xanh

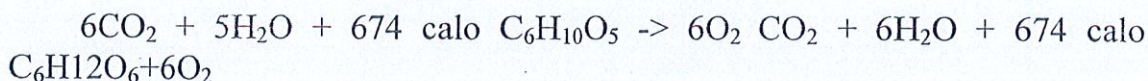
- Cây xanh được bố trí xung quanh Nhà máy với diện tích trên 15% diện tích.

- Tác dụng của cây xanh:

+ Giảm bức xạ nhiệt: Tùy theo cây dày lá thưa lá, lá to hay lá nhỏ mà cây có thể che chắn được 10 = 90% lượng bức xạ Mặt Trời chiếu xuống mặt đất, cây xanh thông thường có thể che chắn 40 - 60% bức xạ. Cây xanh còn có tác dụng giảm lượng phản xạ bức xạ Mặt Trời.

+ Giảm nhiệt độ không khí, giảm nhiệt độ bề mặt, tăng độ ẩm và tăng lượng oxy trong không khí: Trong thời gian ban ngày cây xanh hấp thụ bức xạ Mặt Trời, hút nước từ dưới đất lên và hấp thụ khí CO<sub>2</sub> để thực hiện quá trình diệp lục hóa theo công thức cơ bản sau đây:





+ Giảm nồng độ bụi: Có tác dụng lọc bụi trong không khí, làm sạch MT. Khả năng giữ bụi trên cành lá của cây phụ thuộc vào đặc thù của lá cây, lá to hay nhỏ, dày hay thưa, lùm cây hay tán cây,... và phụ thuộc vào thời tiết. Khu cây xanh cũng như thảm cỏ còn có tác dụng hạn chế nguồn bụi bay lên từ mặt đất. Nói chung cây xanh có thể giảm nồng độ bụi trong không khí từ 20 - 60%.

+ Hấp thụ các chất độc hại trong không khí và từ dưới đất: Trên cơ sở các quá trình hoạt động hóa sinh và vật lý mà cây xanh có khả năng hấp thụ các chất khí độc hại, bụi chì, hơi chì trong không khí cũng như các phần tử kim loại nặng trong đất. Các khí độc và kim loại nặng được cây hấp thụ và chủ yếu giữ ở phần mô bì của lá cây, một phần được chứa ở trong thân, cành và rễ cây.

+ Hấp thụ tiếng ồn: Sóng âm thanh truyền qua các lùm cây sẽ bị phản xạ qua lại nhiều lần và năng lượng âm sẽ bị giảm đi rõ rệt, do đó cây xanh có khả năng hút âm, giảm nhỏ tiếng ồn, đặc biệt là tiếng ồn giao thông.

Ngoài ra, còn có một số cây xanh tạo điều kiện dễ chịu đối với con người, hút bớt các chất ô nhiễm môi trường không khí, các chất ô nhiễm độc hại trong đất đặc biệt là đối với kim loại nặng như chì. Đó là các loại cây sau: các loại cây thông, sồi đỏ, trắc bá diệp, linh sam, sồi đen, dâu da. Một số cây còn có tác dụng chỉ thị mức độ ô nhiễm của môi trường (có thể dùng làm thước đo hay công cụ kiểm tra mức độ ô nhiễm môi trường).

### **3. 4. Công trình, biện pháp xử chất thải rắn**

Chất thải rắn sinh hoạt:

Với lượng phát sinh khoảng 5,0 kg/ngày, chủ dự án sẽ tiến hành phân loại như sau:

+ Các chất thải có khả năng tái chế như giấy, thùng carton,... sẽ được thu gom vào các thùng chứa riêng đặt vào khu vực chứa chất thải tái chế và đem bán phế liệu định kỳ 6 lần/tháng.

+ Các chất thải còn lại không còn khả năng tái chế được sẽ thu gom vào thùng đựng rác chuyên dụng và được đội thu gom rác huyện Tháp Mười đến thu gom và xử lý mỗi ngày.

Chất thải rắn sản xuất:

- Các chất thải có khả năng tái chế được thu gom bán phế liệu khi số lượng phát sinh đạt 30kg/tháng, dự kiến bán phế liệu 6 tháng/lần.

Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 5-10 kg/tháng được chủ dự án đựng vào thùng chứa CTNH riêng, có dán nhãn CTNH và đặt vào kho chứa CTNH đã được bố trí sẵn tách biệt với khu vực khác, khi số lượng phát sinh đủ lớn (khoảng 100 – 150 kg), chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý



và báo cáo công tác thu gom, quản lý chất thải nguy hại định kỳ 1 lần/1 năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cao Lãnh theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **3. 4. Công trình, biện pháp ứng phó sự cố môi trường**

Tại nhà máy sẽ lắp đặt các hệ thống phòng chống cháy nổ và các thiết bị phòng cháy, chữa cháy sau:

\* Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường là tổng hợp các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng để dập tắt đám cháy khi hoả hoạn xảy ra. Việc lắp đặt hệ thống này để cho lực lượng chữa cháy của nhà máy dễ dàng triển khai thực hiện đảm bảo nhanh, chóng thuận tiện. Hệ thống chữa cháy bao gồm:

- Hệ thống đường ống; gồm đường ống chính và các đường ống phân nhánh được làm bằng ống thép tráng kẽm các loại.

\* Hệ thống các bình chữa cháy xách tay. Thiết bị chữa cháy ban đầu sử dụng cho xưởng sản xuất của Nhà máy gồm hai loại: Bình chữa cháy bằng khí CO<sub>2</sub> và bình bột chữa cháy.

- Bình bột chữa cháy: Bột chữa cháy là chất không độc, không dẫn điện, hiệu quả chữa cháy cao nên sử dụng để chữa cháy các đám cháy rắn, lỏng, khí.

Ngoài ra các tiêu chuẩn về an toàn sẽ được thực hiện một cách nghiêm túc, đặc biệt là các tiêu chuẩn liên quan đến PCCC. Các thiết bị PCCC cơ học sẽ được bổ sung cho hệ thống vòi chữa cháy tự động.

Đồng thời huấn luyện đội ngũ công nhân nắm vững thao tác PCCC và có bảng hướng dẫn chung về từng phương án cụ thể cho toàn thể công nhân viên làm việc tại Dự án.

Ngoài việc lắp đặt các hệ thống phòng cháy chữa cháy thì để phòng ngừa ứng phó với sự cố cháy nổ xảy ra trong quá trình quản lý và sử dụng hóa chất, nhiên liệu thì chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Đối với các loại hóa chất sử dụng sẽ được chủ dự án lưu giữ tại khu vực kho chứa riêng đảm bảo các theo đúng Nghị định 113/2017/NĐ-CP về an toàn hóa chất và TCVN 5507:2002 về quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm, không lưu giữ các chất dễ cháy nổ cạnh các chất duy trì sự cháy.

\* Sự cố tai nạn lao động

+ Phòng ngừa:

- Quy định về trang phục, đầu tóc gọn gàng trong khi làm việc và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;

- Cấm sử dụng điện thoại di động, làm việc riêng trong giờ làm việc;

- Đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc cho người mới được tuyển dụng;



- Đề ra các nội quy an toàn lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn cho máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm;

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho người công nhân;

- Kiểm tra thiết bị an toàn, gương chiếu hậu của phương tiện vận tải để tránh các tai nạn không đáng có xảy ra.

+ Ứng phó:

Khi sự cố xảy ra tùy theo mức độ của tai nạn mà thực hiện các biện pháp ứng phó khác nhau nhưng về cơ bản qua các bước như sau:

- Khi phát hiện sự cố người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm của tai nạn và thông báo cho giám đốc sản xuất hoặc trưởng bộ phận sản xuất để cho dừng hoạt động và thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu kịp thời: Các phương pháp sơ cứu khẩn cấp là các biện pháp cấp cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mạng và tránh tai biến khi người lao động bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của các bác sỹ. Khi xảy ra tai nạn cần phải:

- Kiểm tra xem nạn nhân có bị chảy máu, gãy xương, nôn hay không.

- Kiểm tra xem nạn nhân có còn tỉnh táo, còn thở, mạch còn hay không.



## CHƯƠNG IV.

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

- Dự án không đề xuất cấp giấy phép xả nước thải do loại hình sản xuất của dự án không gây phát sinh nguồn thải này.

#### 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án không đề xuất cấp giấy phép xả khí thải do loại hình sản xuất của dự án không gây phát sinh nguồn thải này.

#### 4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn chính tại dự án là từ các thiết bị, máy móc có công suất lớn đặc biệt là khu vực phòng máy với các thiết bị: băng tải nguyên liệu, băng tải định lượng, máy trộn phân, băng tải hỗn hợp thành phẩm lên thùng chứa thành phẩm, cân đóng bao tự động, băng tải may bao không được bảo dưỡng thường xuyên. Độ ồn thường dao động từ 60 – 75 dAB đối với khu vực sản xuất và từ 40 -55 dAB đối với khu lối vào (cách khu sản xuất 20m).

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

**Bảng 5.2: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn**

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	1 lần/năm	Khu vực thông thường

**Bảng 5.3: Giá trị giới hạn đối với độ rung**

STT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	1 lần/năm	Khu vực thông thường

#### **Ghi chú:**

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;



**CHƯƠNG V.**

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Dự án không thuộc đối tượng không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định nên không báo cáo nội dung này.



---

---

---

## PHỤ LỤC

---

---



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1401226782

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 04 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 13 tháng 01 năm 2021

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA SINH NAM VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM VIET BIOCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAVIBIOCO

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Quốc lộ 30, Ấp Đông Mỹ, Xã Mỹ Hội, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: 0886357788-0868759588

Fax:

Email: hoasinhnamviet@gmail.com

Website: namvietco.vn

**3. Vốn điều lệ** 2.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 200.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: LÊ TRUNG THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1974 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 341716315

Ngày cấp: 09/09/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ thường trú: Tổ 44, khóm Mỹ Phước, Phường 3, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 44, khóm Mỹ Phước, Phường 3, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 10.95..... Quyển số 01..... SCT/BS

Ngày 21 tháng 3 năm 2021

CHỦ TỊCH UBND phường 3, TP. Cao Lãnh



Đoàn Trung Hiếu

**TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Đình Phương Uyên



Số: 07/GXN-UBND

Cao Lãnh, ngày 10 tháng 6 năm 2016

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ  
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Ông Lê Trung Thành, Giám đốc Công ty Cổ phần hóa sinh Nam Việt, chủ Dự án “Xưởng phối trộn phân bón Nam Việt”.

Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh xác nhận Ông Lê Trung Thành, Giám đốc Công ty Cổ phần hóa sinh Nam Việt, chủ Dự án “Xưởng phối trộn phân bón Nam Việt”, Địa chỉ: Ấp Đông Mỹ, xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “Xưởng phối trộn phân bón Nam Việt” tại Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ông Lê Trung Thành, Giám đốc Công ty Cổ phần hóa sinh Nam Việt có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “Xưởng phối trộn phân bón Nam Việt” kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Ông Lê Trung Thành, Giám đốc Công ty Cổ phần hóa sinh Nam Việt để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN NHIỀU

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (đ/c Sư, Nhiều);
- Phòng TNMT huyện;
- UBND xã Mỹ Hội;
- LĐVP (đ/c Tuấn, Hiền);
- CVN (đ/c Cảnh);
- Lưu: VT, VPUBND



Nguyễn Văn Nhiều

Đinh Hoàng Sang



**Kho thành phẩm  
10 x 15 (150m<sup>2</sup>)**

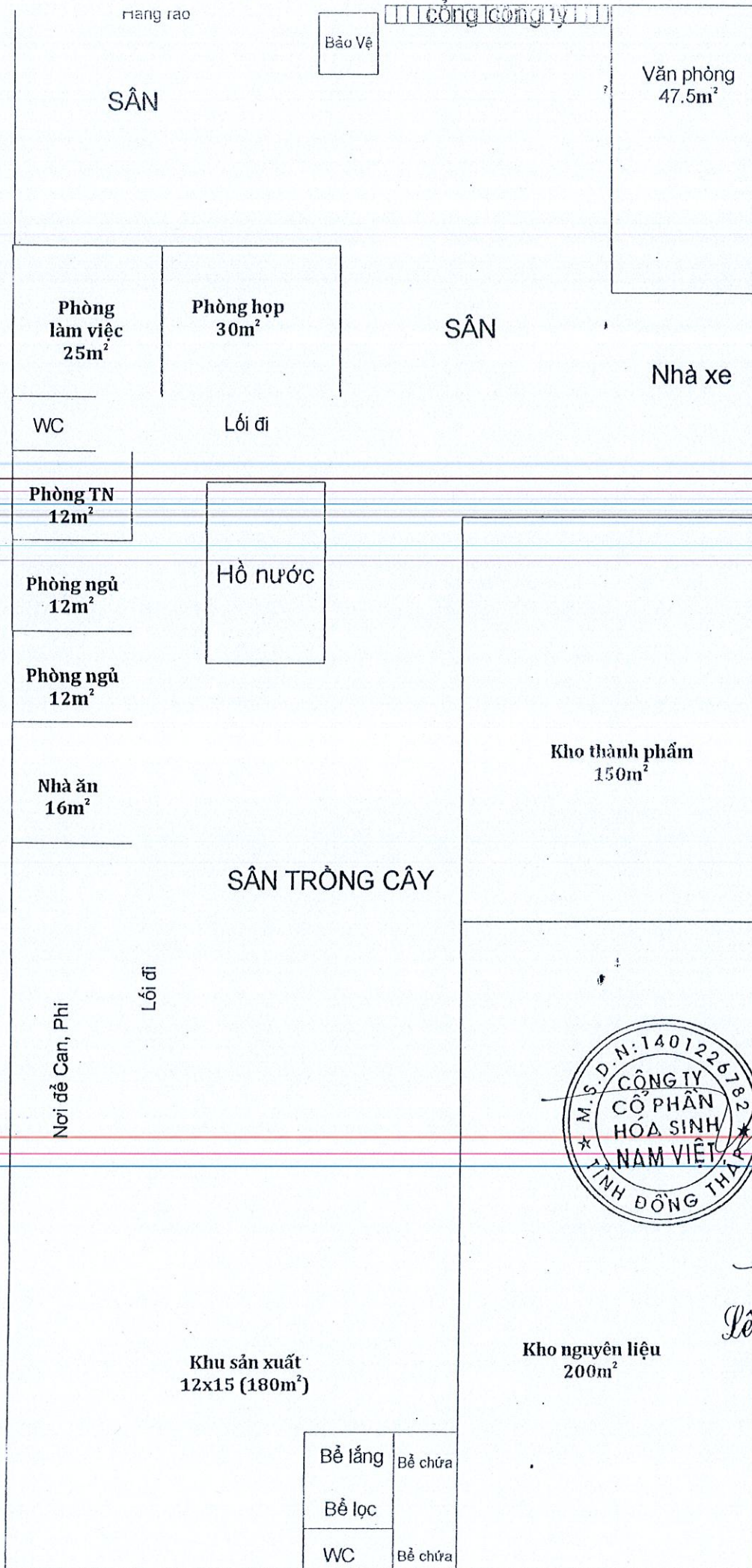
**Kho nguyên liệu  
10 x 20 (200m<sup>2</sup>)**



*Lê Trung Thành*

**SƠ ĐỒ KHO NGUYÊN LIỆU VÀ THÀNH PHẨM  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA SINH NAM VIỆT**





*Lê Trung Thành*

SƠ ĐỒ TỔNG THỂ CÔNG TY CP HOA SINH NAM VIỆT 25 x 52 (1.300m<sup>2</sup>)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

## BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN  
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ SINH NAM VIỆT  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN: LÊ TRUNG THÀNH  
ĐBXD: THỬA ĐẤT SỐ 1058 - TỜ BĐ SỐ 06  
ĐC: QL 30 - ÁP ĐÔNG MỸ - XÃ MỸ HỘI - HUYỆN CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

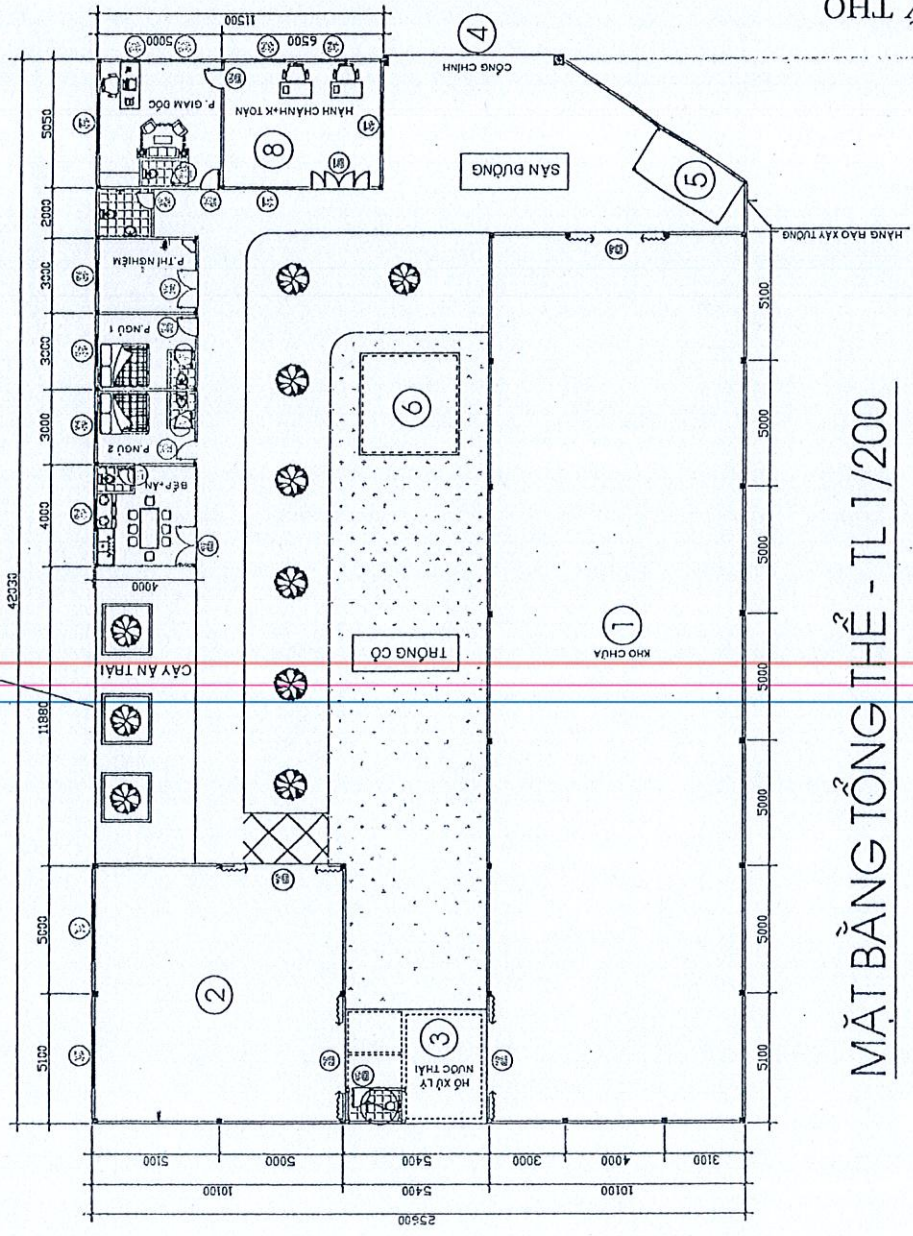
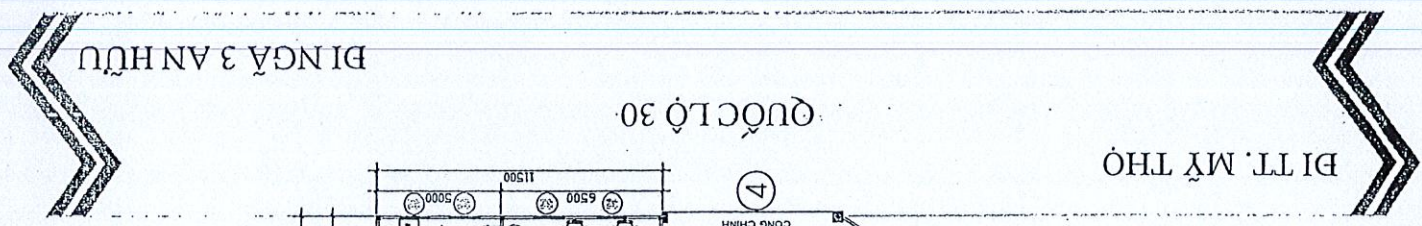


ĐỒNG THÁP, THÁNG 05 NĂM 2016



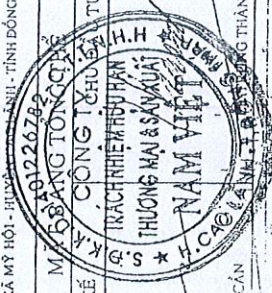
**GHI CHÚ :**

- 1 KHO CHỨA
- 2 NHÀ PHỐI TRỘN
- 3 HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 4 CÔNG CHÍNH
- 5 NHÀ XE
- 6 HỒ NƯỚC TƯỚI CÂY
- 7 NHÀ VỆ SINH
- 8 KHU VÁN PHÒNG



**MẶT BẰNG TỔNG THỂ - TL 1/200**

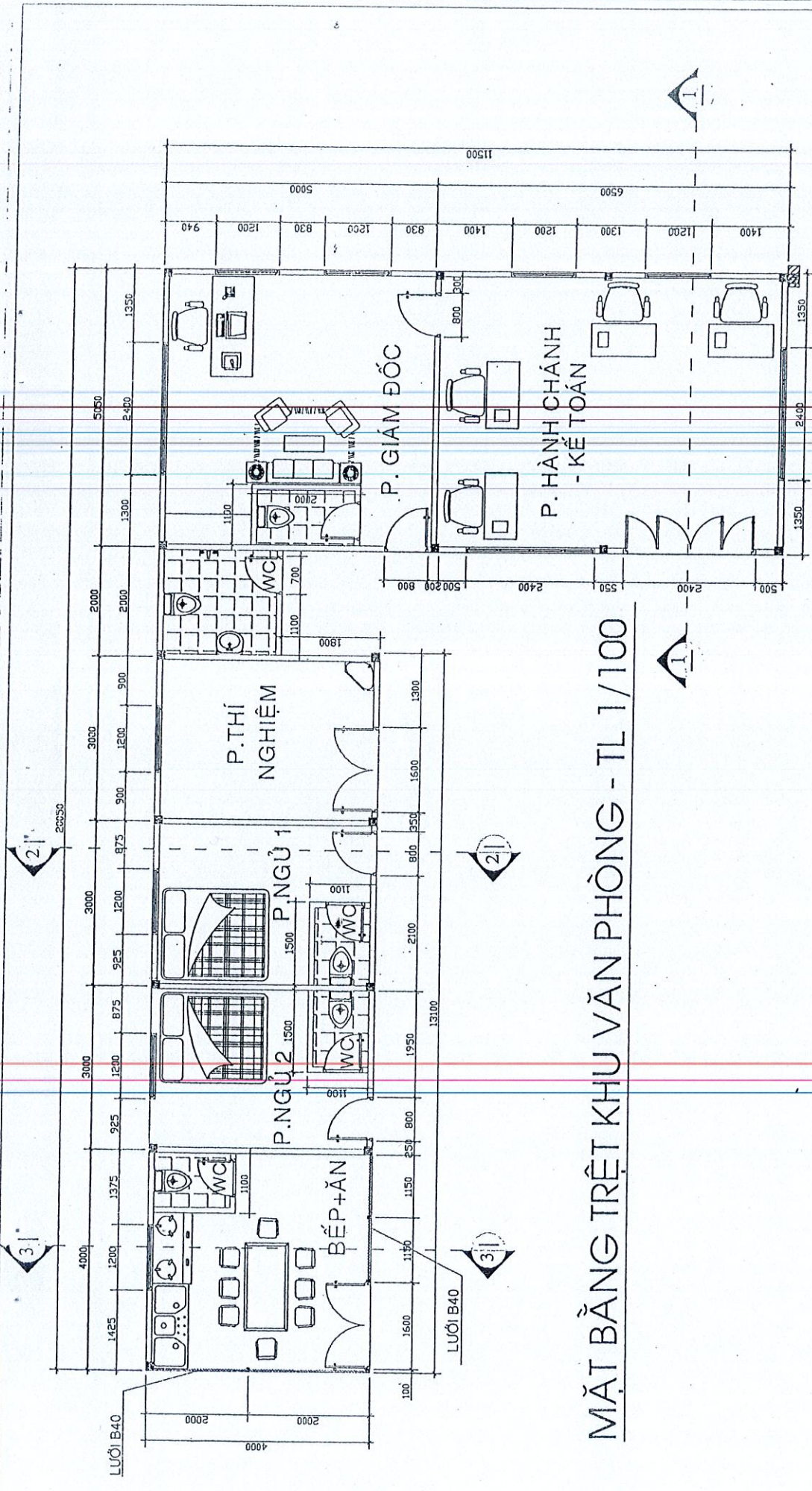
CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHẦN BÓN	
ĐC: THỪA ĐẤT SỐ 103R - TĐD SỐ: 6	
ĐC: QL.30 - XÃ MỸ HÒI - HUYỆN QUANG BÍNH - TỈNH ĐỒNG THÁP	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ	
THIẾT KẾ	CÔNG TY CHUẨN KỸ THUẬT
TRÁCH NHIỆM CHỦ ĐẦU TƯ	BẢN VẼ
THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT	TT: 01
NAM VIỆT	TL: 1/200
TRẦN VĂN CÁN	



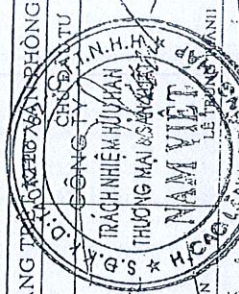




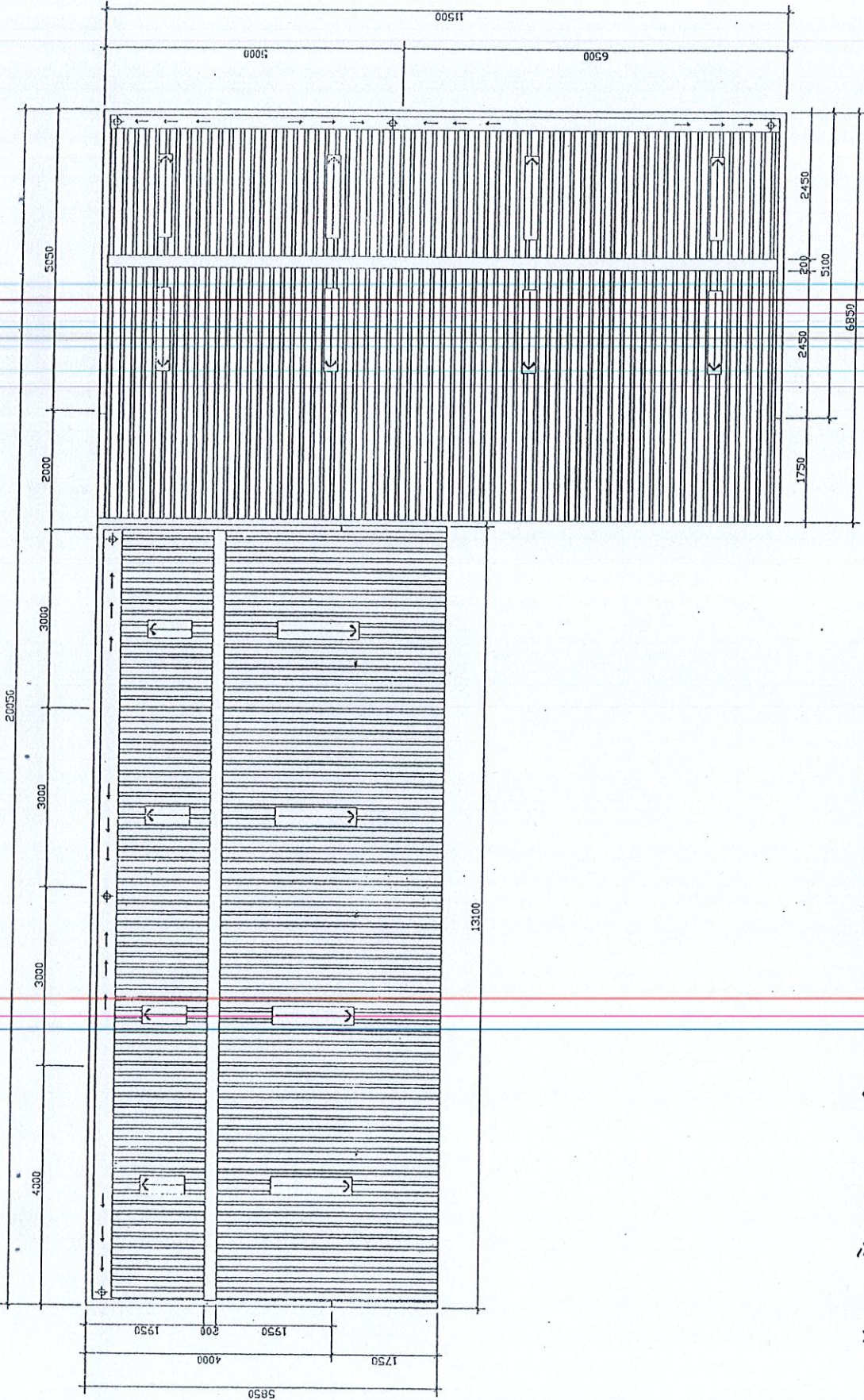




MẶT BẰNG TRỆT KHU VẠN PHÒNG - TL 1/100

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN	
ĐC: THỪA ĐẤT SỐ 103K - TĐB SỐ 6 ĐC: QL 30 - XÃ MỸ HỘI - HUYỆN CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP	
MẶT BẰNG TRỆT KHU VẠN PHÒNG	BẢN VẼ
THIẾT KẾ	TT: 03
	
TRẦN VĂN CÁN	TL: 1/100





# MẶT BẰNG MÁI KHU VẤN PHÒNG - TL 1/100

**CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

ĐC: THỪA ĐẤT SỐ 1058 - TĐB SỐ: 6  
ĐC: QL 30 - XÃ MỸ HỘI - HUYỆN CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

**MẶT BẰNG MÁI KHU VẤN PHÒNG**  
THIẾT KẾ

*Cao*

TRẦN VĂN CÁN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHỆ**  
TRÁCH NHIỆM RIÊU HẠY N.H.H  
THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT  
NAM VIỆT  
H. C. 01/07/2017  
LIÊN TỈNH ANH

BẢN VẼ  
TỈ: 04  
TL: 1/100

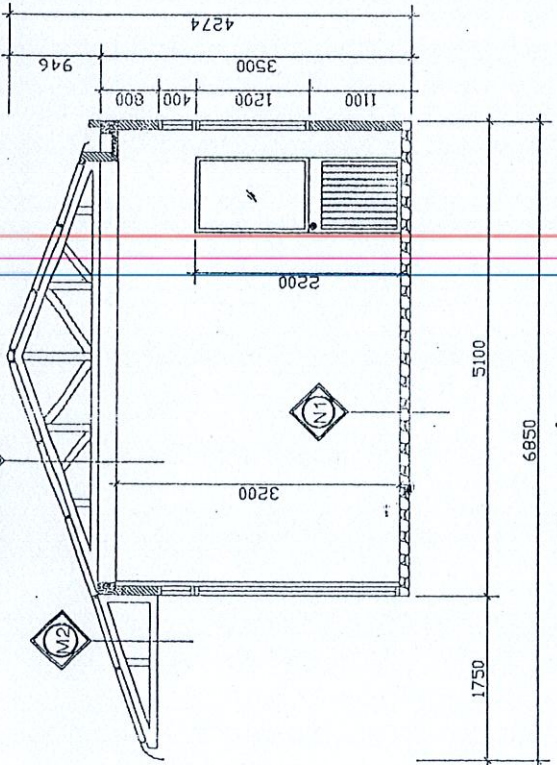




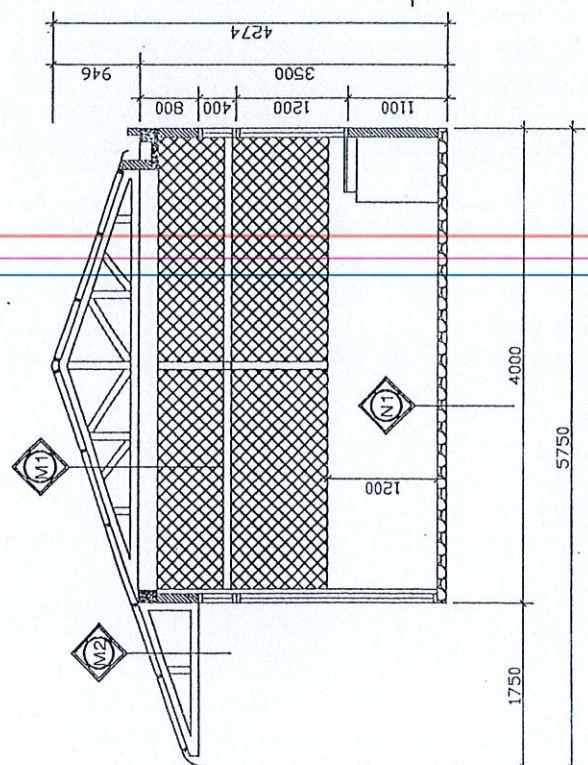




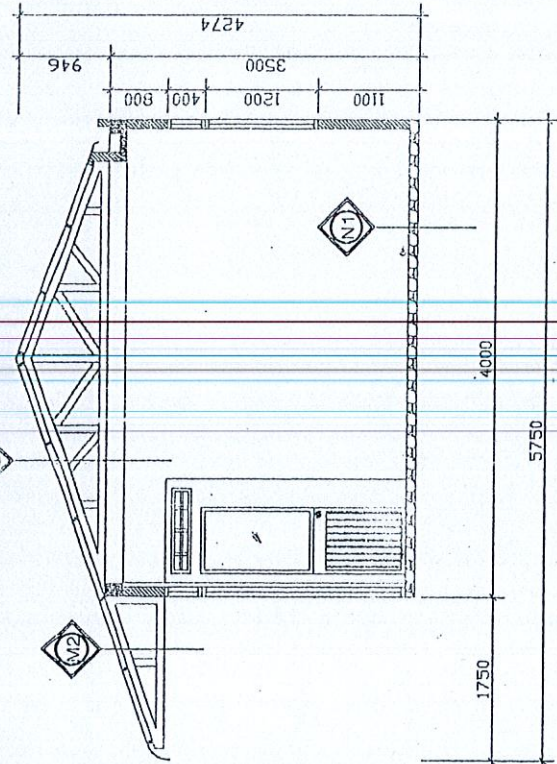




MẶT CẮT 1 - 1 TL 1/100



MẶT CẮT 3 - 3 TL 1/100



MẶT CẮT 2 - 2 TL 1/100

- LỚP TOLE SÓNG VUÔNG DÀY 0.42
- XÀ GỖ THÉP HỘP 40X80X1.8MM
- VÌ KÈO THÉP HỘP 40X80X1.8MM
- DẪM MÁI BTCT 150X200MM, M200
- TRẦN LIMA KHUNG SẮT L 30X30MM

- LỚP TOLE SÓNG VUÔNG DÀY 0.42
- XÀ GỖ THÉP HỘP 30X60X1.8MM
- VÌ KÈO THÉP HỘP 40X80X1.8MM

- LÁT GẠCH CERAMIC 500X500
- LỚP VỮA LÓT M75
- BT LÓT ĐÁ 4X6, M100, DÀY 100 MM
- CÁT NỀN ĐÁM CHẶT, K=0.95
- NỀN ĐẤT TỰ NHIÊN

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN

ĐC: THỪA ĐẤT SỐ 1058 - TĐD SỐ: 6  
ĐC: QL.30 - XÃ MỸ HỘI - HUYỆN CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

MẶT CẮT KHU VỰC: **C. T. A. H. H**

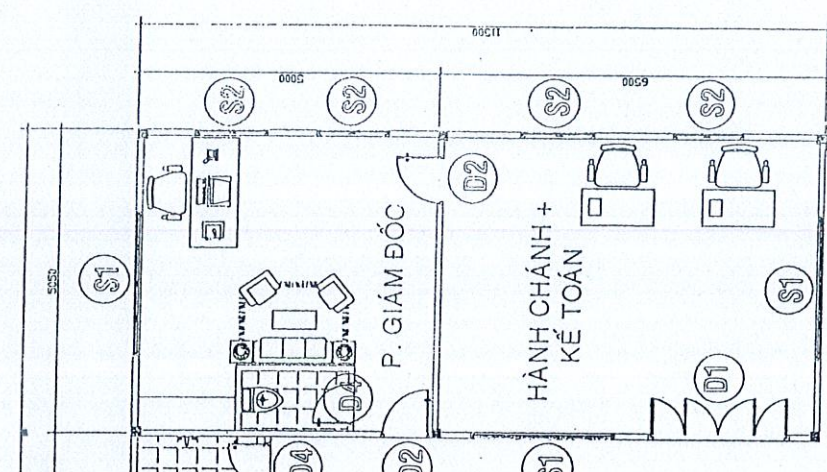
THIẾT KẾ: *Can*

BẢN VẼ: TT: 07

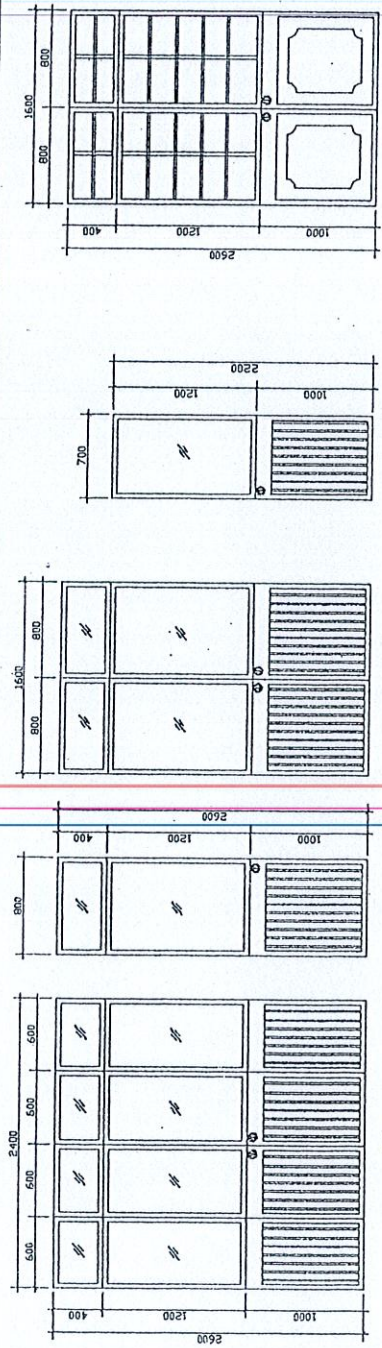
TL: 1/100

THÀNH VIÊN CÁN





MB BỐ TRÍ CỬA ĐI, CỬA SỐ - TL/100



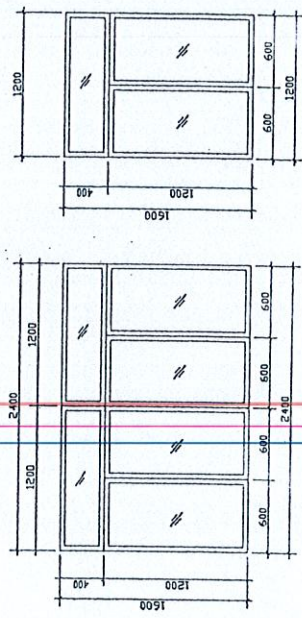
D1 CỬA ĐI CHÍNH NHÔM KÍNH

D2 CỬA ĐI NHÔM KÍNH

D3 CỬA ĐI NHÔM KÍNH

D4 CỬA ĐI WC NHÔM KÍNH MỜ

D5 CỬA ĐI BẾP ĂN KHUNG SẮT



S1 CỬA SỔ NHÔM KÍNH

S2 CỬA SỔ NHÔM KÍNH

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN

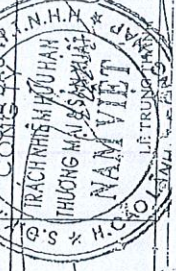
ĐC: THỪA ĐẤT SỐ 1058 - TĐĐ SỐ : 6

ĐC: QL.30 - XÃ MỸ HIỆP - HUYỆN CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỬA ĐI, CỬA SỐ

THIẾT KẾ

BẢN VẼ  
TT : 08



*Car*

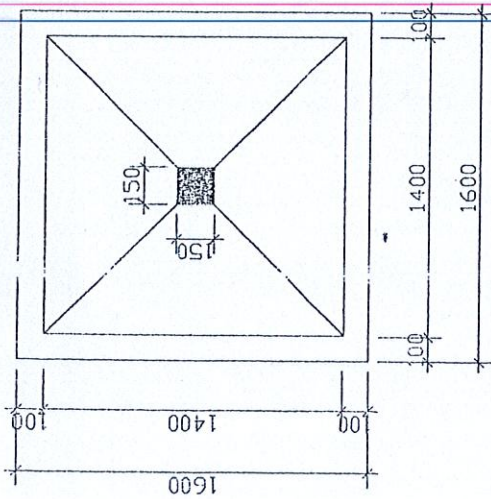
TRẦN VĂN CÁN

TL: 1/100

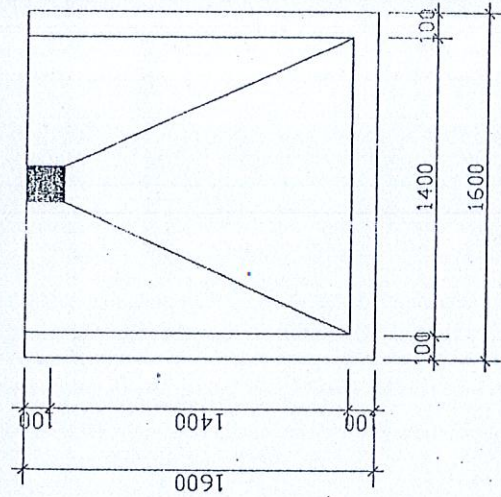




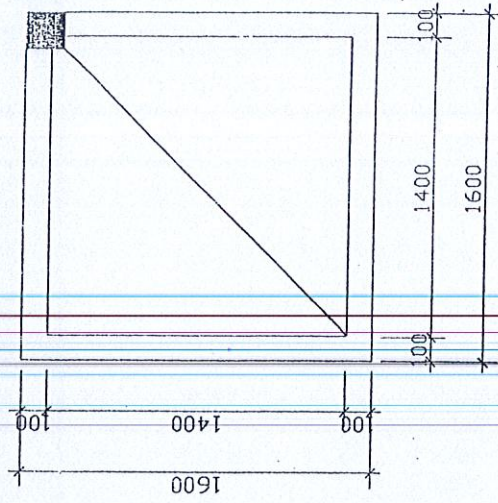




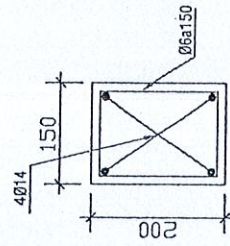
MB MÓNG M1 - TL 1/25



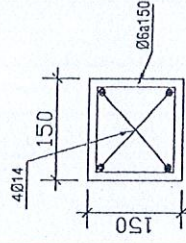
MB MÓNG M2 - TL 1/25



MB MÓNG M3 - TL 1/25



MC ĐÀ KIỀNG - TL 1/25



MC CỘT - TL 1/25

**GHI CHÚ :**

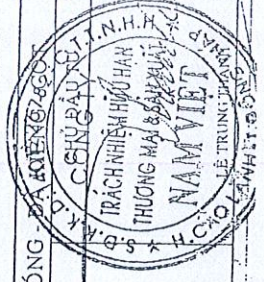
- + BÊTÔNG ĐÁ 1x2 MÁC 200 CHO MÓNG, ĐÀ KIỀNG, CỘT.
- + THÉP CÓ CƯỜNG ĐỘ Ra = 2700 kg/cm<sup>2</sup>
- RIỀNG THÉP Ø6, Ø8 CÓ Ra = 2100 kg/cm<sup>2</sup>
- + LỚP BẢO VỆ THÉP MÓNG LÀ 5cm
- + LỚP BẢO VỆ THÉP CỘT, ĐÀ KIỀNG LÀ 2,5 cm
- + ĐẦU CỬ PHẢI NÀM DƯỚI MỨC NƯỚC NGẦM

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN

ĐC: THỪA ĐẤT SỐ 1068 - TỈNH SỐ 6  
 ĐC: QL. 30 - XÃ MỸ HỘI - HUYỆN CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

CHI TIẾT MÓNG - BẢN VẼ

THIẾT KẾ  
*Cmm*



BẢN VẼ  
 TT: 10  
 TL: 1/25

TRẦN VĂN CÁN







Số:



\*4034/16\*

## GIẤY XÁC NHẬN

### Về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ trụ sở: Số 11 đường Võ Trường Toản, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh,  
Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: 0673 852866

Fax:

Email: skhdt@dongthap.gov.vn

Website:

### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA SINH NAM VIỆT

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 1401226782

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

### Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất phân bón và hợp chất ni to Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012 (Chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp, nguyên liệu phân bón	4669
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hạt giống, cây giống	4620

### Nơi nhận:

- CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA SINH NAM VIỆT. Địa chỉ: Quốc lộ 30, Ấp Đông Mỹ, Xã Mỹ Hội, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

.....;  
- Lưu: Nguyễn Đình Phương Uyên.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đình Phương Uyên



CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP    CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH    Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

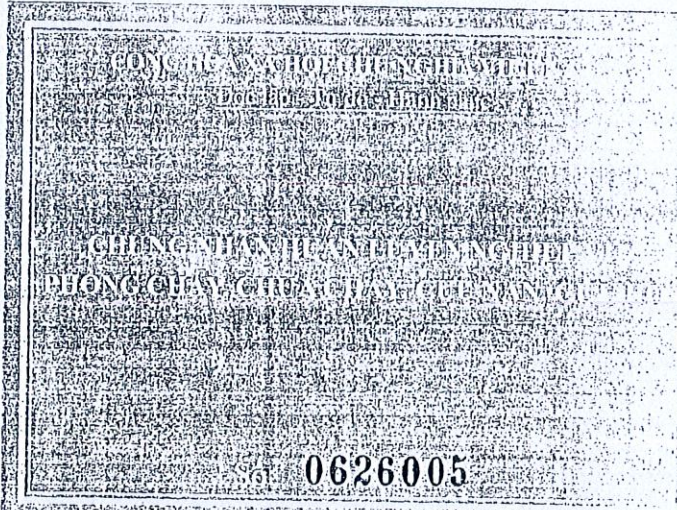
**PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH**

**CHUNG NHAN:**

Ông/bà: **Nguyễn Hoàng Oanh**    Năm sinh: **1990**  
 Số CMND/Hộ chiếu: **341476556**    Ngày cấp: **8/4/2017**  
 Nơi làm việc/thường trú: **Công ty CP Hòa Sinh Nam Việt**  
 Đã được huấn luyện nghiệp vụ: **Phòng cháy và chữa cháy**  
 Thời gian: Từ ngày **21 / 10 / 2020** đến ngày **22 / 10 / 2020**  
**Đồng Tháp ngày 23 tháng 10 năm 2020**

Thời hạn sử dụng: **02 năm kể từ ngày cấp**  
 Có giá trị sử dụng trên cả nước.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
 Đại tá Trần Công Minh



CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP    CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH    Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

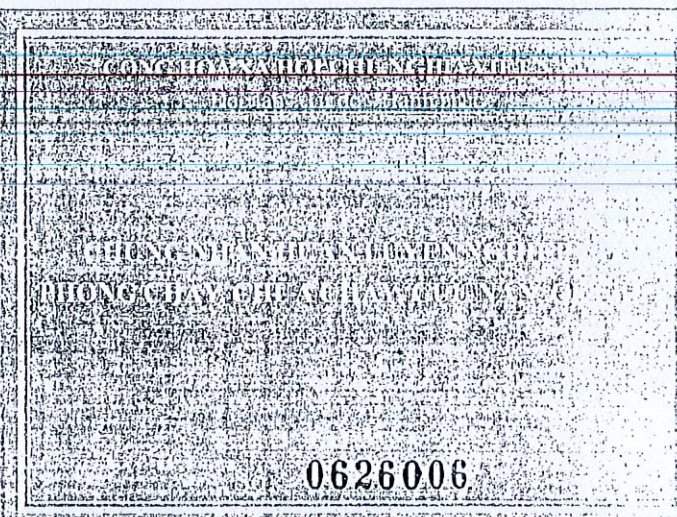
**PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH**

**CHUNG NHAN:**

Ông/bà: **Phạm Thị Đưa**    Năm sinh: **1983**  
 Số CMND/Hộ chiếu: **341169100**    Ngày cấp: **14/3/2016**  
 Nơi làm việc/thường trú: **Công ty CP Hòa Sinh Nam Việt**  
 Đã được huấn luyện nghiệp vụ: **Phòng cháy và chữa cháy**  
 Thời gian: Từ ngày **21 / 10 / 2020** đến ngày **22 / 10 / 2020**  
**Đồng Tháp ngày 23 tháng 10 năm 2020**

Thời hạn sử dụng: **02 năm kể từ ngày cấp**  
 Có giá trị sử dụng trên cả nước.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
 Đại tá Trần Công Minh



CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP    CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH    Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

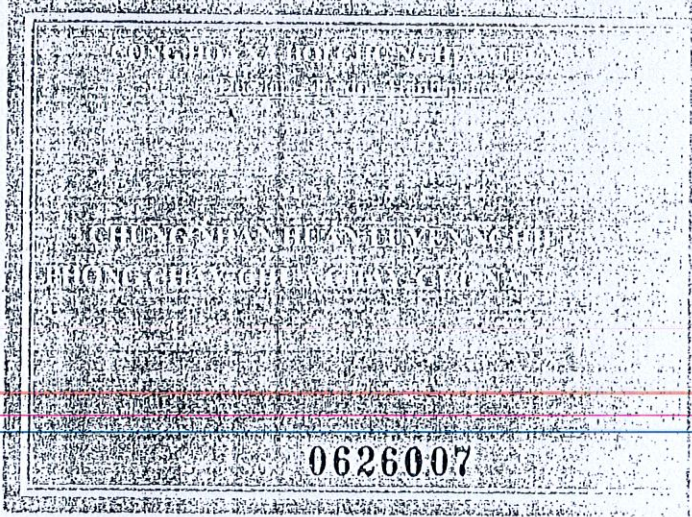
**PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH**

**CHUNG NHAN:**

Ông/bà: **Lê Nguyễn Trung Nghĩa**    Năm sinh: **1992**  
 Số CMND/Hộ chiếu: **341684589**    Ngày cấp: **3/1/2020**  
 Nơi làm việc/thường trú: **Mỹ Hội H Cao Lãnh, ĐT**  
 Đã được huấn luyện nghiệp vụ: **Phòng cháy và chữa cháy**  
 Thời gian: Từ ngày **21 / 10 / 2020** đến ngày **22 / 10 / 2020**  
**Đồng Tháp ngày 23 tháng 10 năm 2020**

Thời hạn sử dụng: **02 năm kể từ ngày cấp**  
 Có giá trị sử dụng trên cả nước.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
 Đại tá Trần Công Minh



CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP    CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH    Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHÒNG CÁNHSAT PCCC & CNCH**

**CHUNG NHAN:**

Ông/bà: **Đào Dương Khánh**    Năm sinh: **1988**  
 Số CMND/Hộ chiếu: **341431229**    Ngày cấp: **28/5/2020**  
 Nơi làm việc/thường trú: **Mỹ Hội H Cao Lãnh, ĐT**  
 Đã được huấn luyện nghiệp vụ: **Phòng cháy và chữa cháy**  
 Thời gian: Từ ngày **21 / 10 / 2020** đến ngày **22 / 10 / 2020**  
**Đồng Tháp ngày 23 tháng 10 năm 2020**

Thời hạn sử dụng: **02 năm kể từ ngày cấp**  
 Có giá trị sử dụng trên cả nước.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
 Đại tá Trần Công Minh

